

Số: 05 /2013/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 02 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý
chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
ĐẾN	Số: 540
	Ngày: 04/5/2013

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 13/2007/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 18/TTr-SXD ngày 21 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định nêu trên.

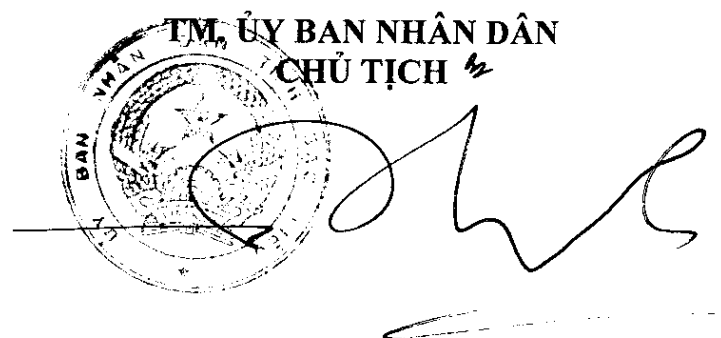
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Tổ chức chính trị - xã hội, Tổ chức xã hội nghề nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (để giám sát);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH (đăng Công báo);
- Lưu: VT, (TA024).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Hoàng Bê

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05 /2013/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động quản lý chất thải rắn: Bao gồm các hoạt động quy hoạch quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở quản lý chất thải rắn, các hoạt động phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.

2. Chất thải rắn: Là chất thải ở thể rắn, được thải ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác; chất thải rắn bao gồm chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại; chất thải rắn phát thải trong sinh hoạt cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng được gọi chung là chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn phát thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp, làng nghề, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác được gọi chung là chất thải rắn công nghiệp.

3. Chất thải rắn nguy hại: Là chất thải rắn chứa các chất hoặc hợp chất có một trong những đặc tính: Phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc các đặc tính nguy hại khác.

4. Phế liệu: Là sản phẩm, vật liệu bị loại ra từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng, được thu hồi để tái chế, tái sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất sản phẩm khác.

5. Thu gom chất thải rắn: Là hoạt động tập hợp, phân loại, đóng gói và lưu giữ tạm thời chất thải rắn tại nhiều điểm thu gom tới địa điểm hoặc cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

6. Lưu giữ chất thải rắn: Là việc giữ chất thải rắn trong một khoảng thời gian nhất định ở nơi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước khi vận chuyển đến cơ sở xử lý.

7. Vận chuyển chất thải rắn: Là quá trình chuyên chở chất thải rắn từ nơi phát sinh, thu gom, lưu giữ, trung chuyển đến nơi xử lý, tái chế, tái sử dụng hoặc bãi chôn lấp cuối cùng.

8. Địa điểm, cơ sở được cấp có thẩm quyền chấp thuận: Là nơi lưu giữ, xử lý, chôn lấp các loại chất thải rắn được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

9. Xử lý chất thải rắn: Là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật làm giảm, loại bỏ, tiêu hủy các thành phần có hại hoặc không có ích trong chất thải rắn; thu hồi, tái chế, tái sử dụng lại các thành phần có ích trong chất thải rắn.

10. Chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh: Là hoạt động chôn lấp phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật về bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh.

11. Chủ nguồn thải: Là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động phát sinh chất thải rắn.

12. Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn: Là tổ chức, cá nhân được phép thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

13. Chủ xử lý chất thải rắn: Là tổ chức, cá nhân được phép thực hiện việc xử lý chất thải rắn; chủ xử lý chất thải rắn có thể trực tiếp là chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn hoặc tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chuyên môn được chủ đầu tư thuê để vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn.

14. Cơ sở quản lý chất thải rắn: Là các cơ sở vật chất, dây chuyền công nghệ, trang thiết bị được sử dụng cho hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

15. Cơ sở xử lý chất thải rắn: Là các cơ sở vật chất bao gồm đất đai, nhà xưởng, dây chuyền công nghệ, trang thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ được sử dụng cho hoạt động xử lý chất thải rắn.

16. Chủ đầu tư cơ sở quản lý chất thải rắn: Là tổ chức, cá nhân được phép thực hiện đầu tư vào hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

17. Khu liên hợp xử lý chất thải rắn: Là tổ hợp của một hoặc nhiều hạng mục công trình xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn và bãi chôn lấp chất thải rắn.

18. Chi phí xử lý chất thải rắn: Bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, đào tạo lao động, chi phí quản lý và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn tính theo thời gian hoàn vốn và quy về một đơn vị khối lượng chất thải rắn được xử lý.

19. Chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn: Bao gồm chi phí đầu tư phương tiện, trang thiết bị, đào tạo lao động, chi phí quản lý và vận hành cơ sở thu

gom, vận chuyển chất thải rắn tính theo thời gian hoàn vốn và quy về một đơn vị khối lượng chất thải rắn được thu gom, vận chuyển.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và đầu tư chất thải rắn

1. Tổ chức, cá nhân xả thải hoặc có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn phải nộp phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

2. Chất thải phải được phân loại tại nguồn phát sinh, được tái chế, tái sử dụng, xử lý và thu hồi các thành phần có ích làm nguyên liệu và sản xuất năng lượng.

3. Ưu tiên sử dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn khó phân hủy, có khả năng giảm thiểu khối lượng chất thải được chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất đai.

4. Nhà nước khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

5. Nhà nước khuyến khích mọi hình thức đầu tư cho lĩnh vực chất thải rắn: Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - khai thác - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - khai thác (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT), mua lại doanh nghiệp, mua trái phiếu, đầu tư chứng khoán và các hình thức đầu tư khác theo Luật Đầu tư.

6. Đầu tư cho quản lý chất thải rắn phải đồng bộ, giải quyết triệt để chất thải rắn, bảo đảm hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ môi trường.

7. Đầu tư cho thu gom, vận chuyển, xây dựng trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

Điều 5. Các hành vi bị cấm

1. Để chất thải rắn không đúng nơi quy định.

2. Làm phát thải bụi, làm rơi vãi chất thải rắn trong quá trình thu gom, vận chuyển.

3. Để lẫn chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại.

4. Gây cản trở cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền cho phép.

5. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

Điều 6. Các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức lập, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; tổ chức công bố công khai và triển khai quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành:

- Đơn giá dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

- Đơn giá, dự toán dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn để làm cơ sở đấu thầu thực hiện dịch vụ công ích có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

d) Hướng dẫn phương pháp lập và quản lý dự toán dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn.

đ) Hướng dẫn quy hoạch xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, tái sử dụng mặt bằng cơ sở xử lý chất thải rắn và các công trình phụ trợ sau khi chấm dứt hoạt động.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc phục hồi, tái sử dụng diện tích, chuyển đổi mục đích sử dụng và quan trắc môi trường của các cơ sở xử lý chất thải rắn sau khi kết thúc hoạt động.

g) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định công nghệ xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

h) Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong quá trình hoạt động quản lý chất thải rắn.

i) Định kỳ kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Quản lý việc sử dụng đất xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn.

c) Nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đất đai cho hoạt động quản lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện theo quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 6 Quy định này.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc phân loại, bảo quản chất thải rắn nguy hại từ các hoạt động sản xuất, dịch vụ, nghiên cứu thử nghiệm thuộc các ngành do mình quản lý để phục vụ cho công tác thu gom, phân loại chất thải rắn; hướng dẫn việc thu gom, lưu giữ chất thải rắn nguy hại tại chỗ trong các cơ sở sản xuất, làng nghề, y tế, nghiên cứu thử nghiệm thuộc ngành do mình quản lý.

e) Hướng dẫn việc đăng ký chủ nguồn thải chất thải rắn nguy hại (*theo danh mục các chất thải nguy hại đã được ban hành*); hướng dẫn công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn và các công trình phụ trợ trên địa bàn tỉnh.

g) Hướng dẫn việc cấp giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

h) Chủ trì, phối hợp với Thanh tra môi trường các cấp thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về quản lý chất thải rắn.

i) Đánh giá tác động môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và dự án xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn.

3. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong các chương trình, đề án, dự án của Ngành Công Thương; chủ trì tổ chức thực hiện Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường, chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

a) Lập quy hoạch xây dựng, quản lý bãi chôn lấp, tiêu hủy vật liệu nổ và chất thải nguy hại được thải ra từ các hoạt động quân sự, quốc phòng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Quốc phòng phê duyệt theo phân cấp.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 6 Quy định này.

c) Kiểm tra, đôn đốc, xử lý các vi phạm có liên quan đến hoạt động xây dựng, quản lý bãi chôn lấp, tiêu hủy vật liệu nổ và chất thải nguy hại được thải ra từ các hoạt động quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

5. Sở Y tế:

a) Thu gom, xử lý chất thải y tế theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 6 Quy định này.

c) Kiểm tra, xử lý các vi phạm trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được phân công.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập kế hoạch cân đối vốn ngân sách hàng năm cho công tác quy hoạch quản lý chất thải rắn và vốn thực hiện công tác kiện toàn hệ thống thiết bị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế khuyến khích mọi hình thức đầu tư cho lĩnh vực chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn kêu gọi xã hội hóa đầu tư.

d) Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng cơ sở quản lý chất thải rắn theo quy định.

7. Sở Tài chính:

a) Thẩm định và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định về phí vệ sinh của chất thải rắn thông thường.

b) Nghiên cứu, hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ về tài chính đối với việc xã hội hóa hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 6 Quy định này.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí thường xuyên hằng năm cho công tác kiện toàn hệ thống bộ máy quản lý; kinh phí mua sắm trang thiết bị đảm bảo công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn đô thị và cụm dân cư nông thôn của các đơn vị sự nghiệp do nhà nước quản lý theo phân cấp hiện hành và kinh phí tuyên truyền và xử lý chất thải rắn theo quy định.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 6 Quy định này.

b) Hướng dẫn các các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư quản lý chất thải rắn sử dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, hiện đại và lựa chọn dây chuyền, công nghệ đảm bảo về môi trường, phù hợp với quy mô sản xuất; ưu tiên lựa chọn các công nghệ hoàn chỉnh trong nước có khả năng xử lý triệt để chất thải rắn và có hiệu quả cao về kinh tế, kỹ thuật; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn trên cơ sở nguồn lực trong nước; nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ từ ngân sách nhà nước thông qua các chương trình và dự án khoa học công nghệ.

9. Ban Quản lý các Khu công nghiệp:

a) Thực hiện công tác xây dựng, quản lý và sử dụng chất thải rắn bằng nguồn vốn ngân sách trong khu công nghiệp gồm:

- Quản lý quy hoạch chất thải rắn, công bố công khai quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn khu công nghiệp.

- Quản lý xây dựng cơ sở chất thải rắn trong khu công nghiệp.

b) Xây dựng, phê duyệt và ban hành quy chế quản lý chất thải rắn trong khu công nghiệp.

c) Xây dựng giá dịch vụ chất thải rắn, phí vệ sinh của chất thải rắn thông thường, do đơn vị quản lý chất thải rắn cung cấp đối với các chất thải rắn được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách trong khu công nghiệp.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 6 Quy định này.

đ) Định kỳ báo cáo Sở Xây dựng về công tác quản lý chất thải rắn trong khu công nghiệp (06 tháng/1 lần vào ngày 15 của tháng 6 và tháng 12 hàng năm) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

10. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch:

a) Xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư và mời gọi đầu tư cho lĩnh vực chất thải rắn.

b) Hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư quản lý chất thải rắn được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định của nhà nước hiện hành và các ưu đãi của địa phương cho lĩnh vực chất thải rắn.

11. Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin đại chúng, các Tổ chức chính trị - xã hội, các Tổ chức xã hội nghề nghiệp:

Trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân quản lý chất thải rắn và chấp hành nghiêm chỉnh quy định này và các quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

Điều 7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý chất thải rắn theo quy định và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng các trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn và các công trình phụ trợ phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch quản lý chất thải rắn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện công tác xây dựng quản lý và sử dụng chất thải rắn bằng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn, gồm:

a) Quản lý quy hoạch chất thải rắn; phối hợp công bố công khai và triển khai quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn.

b) Quản lý quá trình đầu tư cho thu gom, vận chuyển, xây dựng công trình xử lý chất thải rắn trên địa bàn.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

4. Giao đơn vị đủ chức năng làm chủ đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải rắn được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Xây dựng, phê duyệt và ban hành quy chế quản lý chất thải rắn.

6. Xây dựng giá dịch vụ chất thải rắn, phí vệ sinh của chất thải rắn thông thường do đơn vị quản lý chất thải rắn cung cấp đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn được đầu tư trên địa bàn do mình quản lý.

7. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định tại Điểm a và Điểm đ, Khoản 2, Điều 6 Quy định này.

8. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân quản lý chất thải rắn và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn.

9. Định kỳ báo cáo Sở Xây dựng (06 tháng/1 lần vào ngày 15 của tháng 6 và tháng 12 hàng năm) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 8. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư có trách nhiệm giám sát quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn quản lý; trong trường hợp phát hiện những vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn, cần thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung giám sát chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn gồm:

a) Quy trình thu gom, vận chuyển đã được thông báo: Cung cấp túi đựng chất thải; thời gian, địa điểm và tuyến thu gom; địa điểm vận chuyển đến.

b) Các yêu cầu bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

c) Yêu cầu về phương tiện, trang bị bảo hộ cho người lao động.

d) Thu phí vệ sinh theo quy định.

Điều 9. Các chủ đầu tư cơ sở quản lý chất thải rắn

Chủ đầu tư cơ sở quản lý chất thải rắn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

1. Trách nhiệm:

a) Thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn và các hạng mục công trình phụ trợ theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

b) Thực hiện nghĩa vụ bồi thường, chi phí giải phóng mặt bằng, di dời mồ mả, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho dân cư thuộc vùng triển khai dự án theo quy định của pháp luật.

c) Khi có nhu cầu thay đổi về nội dung đầu tư xây dựng hoặc thay đổi công nghệ, chủ đầu tư cần thực hiện theo các nội dung và trình tự về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức, vận hành cơ sở quản lý chất thải rắn theo nội dung của dự án đã được duyệt.

đ) Có trách nhiệm nộp các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

e) Khi phát hiện sự cố môi trường, chủ đầu tư phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý.

g) Trong trường hợp đóng bãi chôn lấp hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn, chủ đầu tư phải gửi văn bản tới các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để thông báo thời gian đóng bãi chôn lấp, chấm dứt hoạt động của các cơ sở xử lý chất thải rắn.

h) Ngay sau khi đóng bãi chôn lấp hoặc kết thúc hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn, chủ đầu tư phải tiến hành phục hồi và cải thiện cảnh quan khu vực; đồng thời, có các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

i) Chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày đóng bãi chôn lấp và sau 01 năm kể từ ngày chấm dứt hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn, chủ đầu tư phải hoàn tất các thủ tục bàn giao lại đất cho nhà nước.

k) Có trách nhiệm quan trắc môi trường, theo dõi biến động môi trường ít nhất sau 05 năm, kể từ ngày đóng bãi chôn lấp hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn; kết quả quan trắc môi trường phải được thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường địa phương.

l) Trong trường hợp hết thời gian thuê đất, chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn và các công trình phụ trợ phải xin phép các cơ quan quản lý nhà nước để gia hạn thời gian nếu có nhu cầu tiếp tục hoạt động.

2. Quyền lợi:

a) Được kinh doanh và hưởng lợi từ các sản phẩm thu được của hoạt động xử lý chất thải rắn theo dự án đầu tư.

b) Hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước theo các quy định của pháp luật.

c) Được chuyển nhượng cơ sở xử lý chất thải rắn và các công trình phụ trợ liên quan cho chủ đầu tư mới theo các quy định của pháp luật; chủ đầu tư mới có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Khoản 1, Điều này và quy định của pháp luật liên quan.

d) Được ưu tiên khai thác, sử dụng các bãi chôn lấp, cơ sở xử lý chất thải rắn và các công trình phụ trợ sau khi chấm dứt hoạt động.

đ) Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 10. Các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn

1. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường:

a) Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn phải có trách nhiệm bảo đảm thường xuyên yêu cầu nhân lực và phương tiện nhằm thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn tại những địa điểm đã quy định.

b) Đặt các thùng lưu giữ chất thải rắn ở các nơi được quy định; cung cấp túi đựng chất thải cho các hộ gia đình, hướng dẫn cho các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn.

c) Thông báo rộng rãi về thời gian, địa điểm và tuyến thu gom chất thải rắn tại các điểm dân cư.

d) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn đến vị trí đã được quy định.

đ) Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn, phát tán mùi, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

e) Chịu trách nhiệm đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

g) Chịu trách nhiệm tổ chức khám bệnh định kỳ cho người lao động trong tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

h) Các trách nhiệm khác theo quy định của hợp đồng dịch vụ công ích.

i) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*quý/1 lần vào ngày 15 của tháng cuối quý*) về công tác quản lý chất thải rắn để tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại:

a) Bảo đảm số lượng trang thiết bị thu gom, phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị an toàn khác nhằm chuyển toàn bộ chất thải rắn nguy hại đến nơi quy định theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết với các chủ nguồn thải.

b) Các trang thiết bị thu gom và phương tiện vận chuyển chất thải rắn phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật khi vận hành, được đăng ký và cấp phép lưu thông trên các tuyến đường bộ hoặc đường thủy theo quy định của pháp luật về giao thông.

c) Sửa chữa, bảo trì và vệ sinh các trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

d) Nhân lực quản lý và hoạt động trực tiếp trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn phải đáp ứng yêu cầu năng lực, được đào tạo về quản lý và vận hành nhằm bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

đ) Lao động trực tiếp thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại phải được trang bị bảo hộ lao động, được khám bệnh định kỳ.

e) Chịu trách nhiệm về việc làm rơi vãi, rò rỉ, phát tán chất thải nguy hại ra môi trường.

g) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (quý/1 lần vào ngày 15 của tháng cuối quý) về công tác quản lý chất thải rắn để tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Các chủ xử lý chất thải rắn

1. Chủ xử lý chất thải rắn chỉ được phép hoạt động khi:

a) Các hạng mục công trình của dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn đã hoàn thành và được nghiệm thu đưa vào hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

b) Có chương trình giám sát môi trường, kế hoạch và biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành.

c) Đối với xử lý chất thải rắn nguy hại, chủ xử lý chất thải phải có giấy phép hành nghề xử lý chất thải rắn nguy hại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn:

a) Chỉ được phép tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn đã nêu trong dự án từ các chủ nguồn thải hoặc tổ chức thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

b) Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy trình công nghệ đã nêu trong dự án và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

c) Ghi chép và lưu giữ các hồ sơ chất thải và phải gửi báo cáo định kỳ 06 tháng một lần cho các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

d) Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường.

đ) Triển khai thực hiện chương trình giám sát môi trường tại cơ sở; chương trình giám sát, kết quả quan trắc phải được gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường định kỳ 06 tháng một lần.

e) Thực hiện kế hoạch an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

g) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (quý/1 lần vào ngày 15 của tháng cuối quý) về công tác quản lý chất thải rắn để tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Các chủ nguồn thải chất thải rắn

1. Các chủ nguồn thải chất thải rắn thông thường:

a) Trách nhiệm và nghĩa vụ của các cá nhân, hộ gia đình:

- Mọi cá nhân phải bỏ chất thải rắn đúng quy định nơi công cộng.

- Các hộ gia đình phải phân loại chất thải rắn bằng các dụng cụ chứa hợp vệ sinh hoặc trong các túi có màu sắc phân biệt, đổ chất thải vào đúng nơi quy định.

- Các hộ gia đình khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải thực hiện đăng ký với các công ty môi trường đô thị hoặc ký hợp

đồng trực tiếp với các đơn vị được phép vận chuyển chất thải rắn xây dựng để đổ chất thải đúng nơi quy định.

- Các hộ gia đình tại các đô thị, làng nghề có tổ chức sản xuất tại nơi ở phải có trách nhiệm phân loại chất thải, hợp đồng với các chủ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

- Các hộ gia đình tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom phải thực hiện xử lý chất thải rắn theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và các nguồn nước mặt; các chất thải ở dạng bao bì chứa hóa chất độc hại hoặc sản phẩm hóa chất đã hết hạn sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp phải được lưu giữ trong các túi riêng, được thu gom, vận chuyển và xử lý riêng.

- Có nghĩa vụ nộp phí vệ sinh theo quy định của chính quyền địa phương.

- b) Trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề:

- Phải thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn thông thường tại nguồn bằng các dụng cụ hợp vệ sinh theo hướng dẫn của tổ chức thu gom, vận chuyển.

- Phải ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; thanh toán toàn bộ kinh phí dịch vụ theo hợp đồng.

2. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn nguy hại:

- a) Thực hiện đăng ký với cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường của địa phương.

- b) Phân loại, đóng gói, bảo quản và lưu giữ theo quy định về quản lý chất thải rắn nguy hại tại cơ sở cho đến khi vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định; các chất thải rắn nguy hại phải được dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hành vi vi phạm Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hành vi cố ý vi phạm và gây hậu quả nghiêm trọng về môi trường có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Các Sở, Ban, Ngành tỉnh; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý các Khu công nghiệp; các Tổ chức chính trị - xã hội, Tổ chức xã hội nghề nghiệp; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân thực hiện đúng Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.


ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Bê